

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2020/HS- ST**  
Ngày: 6- 5- 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Lê Thị Chín,

2/ Ông Hà Văn Thuận.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Thái Thoại- Kiểm sát viên.

Ngày 6/5/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2020/TLST-HS, ngày 27/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 21/4/2020, đối với các bị cáo:

**1. Trần Ngọc N**, sinh năm 1991, tại: Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp TQ, xã TS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị N1 ; có vợ Đinh Phạm Thục Đ; có 02 người con, con lớn sinh năm 2015 (đã chết), con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai kết án 18 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Linh. Có mặt.

**2. Trần Trung Ng,** sinh ngày 9/5/2001, tại: Đồng Nai.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã RM, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị N1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 4/12/2019 đến ngày 13/12/2019 tại ngoại. Có mặt.

**3. Hoàng Xuân H,** sinh năm 1984, tại: Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp PL 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ), con bà Hoàng Thị T1; có vợ Vũ Thị Bích Q; chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; tại ngoại. Có mặt.

-Bị hại: Lê Thanh Q1, sinh năm 1994

Trú tại: Tổ 1, thôn 2, xã MP, huyện L, tỉnh Bình Thuận.. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Chiều ngày 02/12/2019 Trần Ngọc N và em ruột là Trần Trung Ng đi từ huyện TP, tỉnh Đồng Nai đến xã Đa Kai, huyện L, tỉnh Bình Thuận ngủ nhờ tại nhà người quen. Khoảng 7 giờ ngày 03/12/2019, Trần Ngọc N và Trần Trung Ng sử dụng xe mô tô biển số 29X5- 9475, đi từ Đa Kai, huyện L đến xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc, với mục đích tìm việc làm. Khoảng 7 giờ 50 phút cùng ngày thì đi đến khu vực thôn 2, xã MP, huyện L, N ngồi sau xe thấy trước sân nhà bà Nguyễn Thị Bảy có dựng xe mô tô biển số 86B8- 238.86 của Lê Thanh Q1, nên nảy sinh ý định trộm cắp xe. N nói Ng: quay xe lại. Ng hỏi N: quay xe lại làm gì. N nói: cứ quay lại đi. Ng quay xe lại, khi chạy qua nhà bà Bảy, thì N bảo Ng dừng xe lại. N nói với Ng: mày đứng đợi ở đây, để anh vào lấy chiếc xe bán lấy tiền xài trong những ngày mới qua làm. Ng dừng xe đứng đợi. N vào sân nhà bà Bảy thấy trên xe có sẵn chìa khóa, nên dắt xe 86B8- 238.86 ra và nổ máy chạy ngược về hướng Đa Kai và bảo Ng chạy xe về tiệm sửa xe H ở huyện

TP, tỉnh Đồng Nai đợi N. N chạy xe trộm của Lê Thanh Q1 về bán cho Hoàng Xuân H là thợ sửa xe ở huyện TP, tỉnh Đồng Nai. H biết xe này do trộm cắp, nhưng vẫn mua với giá là 2.400.000 đồng. Sau khi bán xe, lấy tiền xong N quay ra, thì Ng cũng chạy đến và chở N đi. Trên đường đi N đưa cho Ng 1.200.000 đồng để Ng giữ đồ xăng và tiêu xài chung. Sau đó, N bảo Ng chở đi đến thị trấn Madagui, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng để trả nợ và mua ma túy sử dụng. Xong cả hai tiếp tục đi lên xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc tìm việc làm nhưng không được. N và Ng đi về lại huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 18 giờ ngày 3/12/2019, khi ngang qua xã Đa Kai, huyện L thì Công an huyện Đức Linh phát hiện và giữ lại. Phần H, sau khi mua xe của N trộm, thì đem đục phá số khung, số máy nhằm tránh sự phát hiện của chủ xe và cơ quan chức năng.

Tại kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG ngày 6/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Linh, xác định xe mô tô biển số 86B8- 238.86, có giá trị là 10.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 16/LKGĐ-PC09 ngày 18/1/2020 của Phòng kỹ thuật-Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: xe mô tô biển số 86B8- 238.86 số khung chỉ còn thể hiện các ký tự: “RLHHC1213DY”, còn các ký tự tiếp theo không xác định được; số máy đã bị đục phá không xác định được số nguyên thủy.

Theo Cáo trạng số 15/CT-VKS-HS ngày 25/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố: Trần Ngọc N và Trần Trung ra trước Tòa án nhân dân huyện Đức Linh để xét xử về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173; truy tố Hoàng Xuân H ra trước Tòa án nhân dân huyện Đức Linh để xét xử về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo N; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Ng; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo H.

-Phạt bị cáo Trần Ngọc N từ 15 đến 18 tháng tù.

-Phạt bị cáo Ng từ 9 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

-Phạt bị cáo H từ 9 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Đồng thời đề nghị việc xử lý vật chứng: trả lại xe và điện thoại cho bị cáo N và bị cáo Ng.

Truy thu 1.200.000 đồng từ bị cáo N và 273.000 đồng từ bị cáo Ng để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo: Không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo đều Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

Bị hại: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phần thủ tục: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội. Đồng thời căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết luận được: Sáng ngày 3/12/2019, với mục đích đi đến xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận để tìm việc làm. Đến khoảng 7 giờ 50 phút ngày 3/12/2019, khi đi đến khu vực thôn 2, xã MP, huyện L, tỉnh Bình Thuận, Trần Ngọc N ngồi phía sau xe mô tô do Trần Ngọc Ng điều khiển, phát hiện xe mô tô biển số 86B8- 238.86, trên xe có sẵn chìa khóa, đang dựng trong sân nhà bà Nguyễn Thị Bảy, thì nảy sinh ý định trộm cắp. N bảo Ng quay xe lại, thì Ng quay lại, khi ngang qua nhà bà Bảy khoảng 17m thì N bảo Ng dừng xe đứng đợi. N xuống xe đi vào sân nhà bà Bảy lén lút trộm xe của anh

Q1 trị giá 10.000.000 đồng, rồi chạy ra bảo Ng cùng quay lại tiệm sửa xe H ở huyện TP, tỉnh Đồng Nai. N điều khiển xe trộm của anh Q1 chạy trước, Ng chạy xe của Ng chạy theo sau. N chạy xe về huyện TP bán cho Hoàng Xuân H (thợ sửa xe). Như vậy, hành vi của N và Ng đã cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình luật Hình sự. Đối với bị cáo H, biết xe biển số 86B8-238.86 bị cáo N bán là xe do trộm cắp, tuy không hứa hẹn trước, nhưng vì ham lợi, nên mua với giá 2.400.000 đồng (giá trị thực tế 10.000.000 đồng), sau đó đem đục phá số khung và số máy nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Hành vi của bị cáo H cấu thành tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bức xúc cho chủ sở hữu, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn trong nhân dân; xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Do đó cần phải xử phạt để giáo dục và răn đe, phòng ngừa.

[4] Vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc gì trước, phạm tội do bộc phát. Bị cáo N là người đề xướng việc phạm tội, có thái độ phạm tội cao, thể hiện: khi phát hiện xe của anh Q1 không có người trông coi thì lập tức bảo bị cáo Ng quay xe lại để trộm, là người trực tiếp vào trộm xe, mặc dù được bị cáo Ng có lời nói ngăn cản nhưng vẫn thực hiện tội phạm, sau khi chiếm đoạt tài sản là người trực tiếp đi tiêu thụ, nên bị cáo N phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. Ngoài ra bị cáo N là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản; là người chủ động tác động để em ruột của mình là bị cáo Ng cùng tham gia việc phạm tội. Do đó phạt bị cáo N mức án nghiêm khắc, để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân lương thiện. Bị cáo Ng, tuy lúc ban đầu có lời nói ngăn cản việc trộm xe của anh là bị cáo N, nhưng khi thấy bị cáo N quyết tâm việc phạm tội, thì bị cáo không tiếp tục ngăn cản mà còn đồng ý, thể hiện: khi bị cáo N bảo dừng xe đứng đợi, thì bị cáo đồng ý dừng xe và cảnh giới cho bị cáo N vào lấy xe, sau khi bị cáo N đem xe trộm ra, thì cùng bị cáo N chạy ngược lại huyện TP để bán xe,

dùng tiền do phạm tội mà có để tiêu xài như đồ xăng, ăn uống. Do đó, bị cáo Ng là đồng phạm với vai trò người giúp sức cho bị cáo N thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Q1. Đối với bị cáo H có hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, tạo điều kiện để các bị cáo có hành vi chiếm đoạt đạt được mục đích, khuyến khích cho các hành vi phạm tội khác; sau khi mua xe do bị cáo bán, thì đục phá số khung, số máy gây khó khăn cho công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên cũng cần xử phạt bị cáo H để răn đe.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo khai báo thành khẩn trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho 03 bị cáo. Bị cáo Ng và bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Ng và H. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo H đã thỏa thuận với bị hại là anh Q1 để mua lại chiếc xe của anh Q1 mà bị cáo đã đục phá số máy, số khung với đúng giá trị định giá là 10.000.000 đồng, đây được coi là tự nguyện khắc phục hậu quả do phạm tội gây ra, đồng thời tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, nên áp dụng điểm b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H.

[6] Quyết định hình phạt: Bị cáo N là người có vai trò chính, thực hiện hành vi nguy hiểm nhất, có nhân thân xấu, nên phạt mức án như đại diện Viện kiểm sát đề nghị và cách ly khỏi xã hội một thời gian là hợp lý. Bị cáo Ng và H có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ng thực hiện hành vi ít nguy hiểm, chỉ là người giúp sức; lúc đầu có lời nói ngăn cản hành vi phạm tội của bị cáo N, nhưng do quan hệ anh- em nên hành vi của bị cáo Ng ít nhiều chịu sự tác động, chi phối bởi hành vi phạm tội của bị cáo N. Bị cáo H thành khẩn ngay ban đầu phát hiện phạm tội, tích cực khắc phục hậu quả. Xét bị cáo Ng và H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hành vi ít nguy hiểm, nên không cần cách ly hai bị cáo này ra khỏi xã hội, mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị hình phạt bị cáo Ng và H bằng nhau là chưa tương xứng hành vi phạm tội của từng bị cáo, nên phạt bị cáo H mức nặng hơn bị cáo Ng là phù hợp.

[7] Vật chứng trong vụ án: Số tiền bị cáo N bán xe cho bị cáo H là 2.400.000 đồng đây là tiền thu lợi không hợp pháp, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Hiện Cơ quan điều tra thu lại của bị cáo Ng là 927.000 đồng, còn lại 1.473.000 đồng chưa thu hồi. Trong đó, bị cáo N sử dụng 1.200.000, bị cáo Nghĩ sử dụng 273.000 đồng, nên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước như Điều 47 Bộ luật Hình sự. Đối với chiếc xe biển số 29X5- 9475 và điện thoại hiệu Philips là tài sản của bị cáo Ng và N, sử dụng vào công việc hàng ngày, không phải phương tiện, công cụ phạm tội, nên trả lại cho bị cáo Ng và N.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Việc bị cáo H đục phá số khung, số máy làm ảnh hưởng đến tính pháp lý của tài sản của chủ sở hữu, thì giữa bị cáo H và bị hại đã tự thỏa thuận khắc phục, hiện không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[9] Về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Kể từ khi tiếp nhận tin báo về tội phạm cho đến khi ban hành kết luận điều tra, Điều tra viên thực hiện hành vi tố tụng, ban hành các văn bản tố tụng đúng thẩm quyền, đúng thời hạn và đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng hình sự; thực hiện các hoạt động điều tra đúng luật định. Đối với Kiểm sát viên trong quá trình giám sát các hoạt động ở giai đoạn điều tra thực hiện đúng thẩm quyền. Trong giai đoạn truy tố Kiểm sát viên tiến hành hoạt động tố tụng đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng. Trong giai đoạn điều tra, truy tố không có sự khiếu nại gì.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

-Khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc N;

-Khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Trung Ng;

-Khoản 1 Điều 323, Điều 38, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Xuân H.

-Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

**1. Tuyên bố: Trần Ngọc N và Trần Trung Ng phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; Hoàng Xuân H phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.**

-Phạt Trần Ngọc N 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: ngày 04/12/2019.

-Phạt Trần Trung Ng 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án: ngày 6/5/2020.

Giao bị cáo Trần Trung Ng cho UBND xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

-Phạt Hoàng Xuân H 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng, tính từ ngày tuyên án: ngày 6/5/2020.

Giao bị cáo Hoàng Xuân H cho UBND xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

**2. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án:**



-Tịch thu số tiền 927.000 đồng của Trần Trung Ng (đang tạm giữ tại Tòa án) sung vào ngân sách nhà nước.

-Buộc Trần Ngọc N phải nộp lại 1.200.000 đồng, Trần Trung Ng phải nộp lại 273.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách nhà nước.

-Trả lại cho Trần Trung Ng 01 chiếc xe máy biển số 29X5- 9475 hiệu Yamaha, Nouvo (đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên bản giao nhận ngày 09/4/2020), trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu Philips (đang tạm giữ tại Tòa án).

**3. Về án phí:** Các bị cáo Trần Ngọc N, Trần Trung Ng và Hoàng Xuân H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các bị, bị hại cáo có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (6/5/2020), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án được hưởng án treo và tổng hợp hình phạt của bản án mới, theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh
- VKSND, Cơ quan điều tra Công an huyện
- CQTHAHS – Công an huyện
- TTLLTP-QG, Sở Tư pháp Bình Thuận
- Chi cục THADS huyện Đức Linh
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa (nếu có)
- Lưu hồ sơ vụ án + Văn Phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:**

(Đã Ký)

